

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành danh mục chỉ tiêu tay nghề chương trình đào tạo bác sĩ nội trú

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Quyết định 334/QĐ-TTg ngày 26/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y khoa trực thuộc Đại học Huế thành Trường Đại học Y - Dược trực thuộc Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định 19/2006/QĐ-BYT ngày 04/07/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chế Đào tạo Bác sĩ nội trú;

Căn cứ Nghị quyết 09/NQ-HĐT ngày 28/8/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục chỉ tiêu tay nghề chương trình đào tạo 18 chuyên ngành bác sĩ nội trú.

- | | |
|-----------------------|------------------------------------|
| 1. Nội khoa | 10. Ung thư |
| 2. Ngoại khoa | 11. Da liễu |
| 3. Sản Phụ khoa | 12. Nhãn khoa |
| 4. Nhi khoa | 13. Huyết học - Truyền máu |
| 5. Chẩn đoán hình ảnh | 14. Hồi sức cấp cứu |
| 6. Tai Mũi Họng | 15. Tâm thần |
| 7. Răng Hàm Mặt | 16. Truyền nhiễm và bệnh nhiệt đới |
| 8. Y học cổ truyền | 17. Y học gia đình |
| 9. Gây mê hồi sức | 18. Giải phẫu bệnh |

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Trưởng phòng: Đào tạo sau đại học; Tổ chức, Hành chính, Thanh tra và Pháp chế; Kế hoạch, Tài chính và Cơ sở vật chất; Các Khoa/Bộ môn liên quan và các học viên bác sĩ nội trú chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Các Bệnh viện thực hành;
- Lưu: VT, ĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Vũ Quốc Huy

**CHỈ TIÊU TAY NGHỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
BÁC SĨ NỘI TRÚ Y HỌC GIA ĐÌNH**

*(Kèm theo Quyết định 5264/QĐ-ĐHYD ngày 8 tháng 11 năm 2024
của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế)*

TT	Mã chỉ tiêu tay nghề	Nội dung tay nghề thực hành	Số lần thực hiện	Số lần đạt yêu cầu
1	YGĐ.001	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	5	5
2	YGĐ.002	Sơ cứu chấn thương	5	5
3	YGĐ.003	Đặt ống thông dạ dày	5	5
4	YGĐ.004	Đặt ống thông tiểu	5	5
5	YGĐ.005	Bình xịt định liều/dụng cụ hít	5	5
6	YGĐ.006	Sử dụng máy phun khí dung	5	5
7	YGĐ.007	Đo lưu lượng đỉnh	5	5
8	YGĐ.008	Đọc được kết quả đo hô hấp ký	5	5
9	YGĐ.009	Tiêm Insulin	5	5
10	YGĐ.010	Sử dụng máy đo đường huyết	5	5
11	YGĐ.011	Sử dụng kỹ thuật vỗ rung, dẫn lưu tư thế, ho chủ động	5	5
12	YGĐ.012	Thực hiện lấy máu tĩnh mạch, truyền dịch cho bệnh nhân	20	20
13	YGĐ.013	Đọc điện tim bình thường	20	20
14	YGĐ.014	Đọc điện tim có dấu hiệu cấp cứu như nhồi máu cơ tim, rối loạn nhịp	20	20
15	YGĐ.015	Đọc phim X-quang phổi thường	20	20
16	YGĐ.016	Đọc một số tổn thương thường gặp trên phim X-quang	20	20
17	YGĐ.017	Lọc bệnh cấp cứu	20	20
18	YGĐ.018	Chuyển viện an toàn	20	20
19	YGĐ.019	Khám tầm soát trẻ em	30	30
20	YGĐ.020	Khám tầm soát trẻ vị thành niên	30	30
21	YGĐ.021	Khám tầm soát phụ nữ có thai	30	30
22	YGĐ.022	Khám tầm soát người trưởng thành	30	30
23	YGĐ.023	Khám tầm soát người cao tuổi	30	30

24	YGD.024	Chẩn đoán, điều trị, chăm sóc và quản lý bệnh lý cấp tính thường gặp ở trẻ em theo nguyên lý YHGD	30	30
25	YGD.025	Chẩn đoán, điều trị, chăm sóc và quản lý bệnh lý truyền nhiễm thường gặp ở trẻ em theo nguyên lý YHGD	30	30
26	YGD.026	Chẩn đoán, điều trị, chăm sóc và quản lý bệnh lý mạn tính thường gặp ở trẻ em theo nguyên lý YHGD	30	30
27	YGD.027	Chăm sóc và tư vấn sức khỏe sinh sản vị thành niên	30	30
28	YGD.028	Chẩn đoán, điều trị, chăm sóc và tư vấn sức khỏe tâm thần thường gặp ở trẻ vị thành niên	10	10
29	YGD.029	Chăm sóc, tư vấn phụ nữ trước sinh	30	30
30	YGD.030	Đỡ đẻ thường	5	5
31	YGD.031	Chăm sóc sản phụ sau sinh thường	10	10
32	YGD.032	Chăm sóc sản phụ sau sinh mổ	10	10
33	YGD.033	Chăm sóc và tư vấn sức khỏe tâm thần thường gặp ở phụ nữ	5	5
34	YGD.034	Chẩn đoán, điều trị, chăm sóc và quản lý bệnh lý phụ khoa thường gặp	30	30
35	YGD.035	Chẩn đoán, điều trị, chăm sóc và quản lý các vấn đề sức khỏe cấp tính thường gặp người trưởng thành	30	30
36	YGD.036	Chẩn đoán, điều trị, chăm sóc và quản lý các vấn đề sức khỏe truyền nhiễm thường gặp người trưởng thành	30	30
37	YGD.037	Chẩn đoán, điều trị, chăm sóc và quản lý các vấn đề sức khỏe mạn tính thường gặp người trưởng thành	30	30
38	YGD.038	Chẩn đoán, điều trị, chăm sóc và quản lý các bệnh lý mạn tính người cao tuổi	30	30
39	YGD.039	Chẩn đoán, điều trị, chăm sóc và quản lý các bệnh lý cấp tính người cao tuổi	30	30

40	YGD.040	Chẩn đoán, điều trị, chăm sóc và quản lý các bệnh lý tâm thần thường gặp người cao tuổi	10	10
41	YGD.041	Chẩn đoán, điều trị, chăm sóc và quản lý các bệnh lý da liễu thường gặp	10	10
42	YGD.042	Chẩn đoán, điều trị, chăm sóc và quản lý các bệnh lý về răng hàm mặt thường gặp	10	10
43	YGD.043	Chẩn đoán, điều trị, chăm sóc và quản lý các bệnh lý về mắt thường gặp	10	10
44	YGD.044	Chẩn đoán, điều trị, chăm sóc và quản lý các bệnh lý về tai mũi họng thường gặp	10	10
45	YGD.045	Phối kết hợp điều trị đông tây y	10	10
46	YGD.046	Thực hiện một số tiểu phẫu, thủ thuật ngoại khoa cơ bản như khâu vết thương, rạch áp xe, băng bó vết thương.	10	10
47	YGD.047	Tham vấn thay đổi hành vi	20	20
48	YGD.048	Chăm sóc, phục hồi chức năng bệnh mạn tính tại nhà	20	20
49	YGD.049	Chăm sóc, phục hồi chức năng cơ xương khớp, người bị tai biến tại nhà	20	20
50	YGD.050	Chăm sóc giảm nhẹ cho bệnh nhân tại nhà	20	20